

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 470/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 2000

Cư trú: số 02, Tổ 01, ấp V, xã Đ, huyện Th, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 2000

Cư trú: Tổ 11, khóm B, phường BĐ, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà H và ông N đều vắng mặt và đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hữu N quen biết nhau do mai mối được 04 tháng thì tiến đến kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BD. Kết hôn xong bà H về sống chung với gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, cự cãi thường xuyên. Ông N không quan tâm vợ, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu. Vì vậy, bà H đã về nhà mẹ đẻ của bà H ở từ ngày 16 tháng 12 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn sâu sắc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông N. Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:

Ông và bà H kết hôn là do mai mối và có đăng ký kết hôn vào năm 2021. Kết hôn với nhau được 01 tháng thì bà H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ. Nay ông đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung: không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự không thể hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà H và ông N vắng mặt và có đơn yêu cầu vắng mặt, giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hữu N kết hôn có đăng ký kết hôn; bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, còn ông N là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà H và ông N vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông N tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BÐ, thành phố X. Bà H kiên quyết xin ly hôn vì bà cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, ông N không quan tâm vợ, nên bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông N. Về phía ông N đã cung cấp ý kiến cho Tòa án thống nhất về việc ly hôn. Bà H và ông N đã không còn chung sống từ tháng 12 năm 2022 đến nay. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, chung tay xây dựng tổ ấm. Nhưng bà H và ông N đều không thực hiện được những điều này để cuộc sống gia đình được hạnh phúc, hôn nhân bền vững, mục đích hôn nhân đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng cho con chung: Bà H và ông N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 19; 51; 53; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.
2. Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hữu N không có con chung, không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.
4. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001347 ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. BĐ, X, An Giang;
- (GCNKH số 76 ngày 28-12-2022)
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thúy Hoa

Phạm Ngọc Nguyên

Nguyễn Thùy Giang